

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/DS-ST

Ngày: 05/9/2017

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thiện.

2. Ông Lê Anh Giàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Trong các ngày 01 và 05/9/2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hui”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST- DS ngày 21/7/2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1984. (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố 2, phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Vào khoảng thời gian năm 2015, 2016 chị P có tham gia các dây hội do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hội, cụ thể chị P tham gia 05 dây hội và số tiền chị P đã đóng hội cho bà H như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 10/2/2016 (âm lịch), chị P tham gia 01 phần, đã đóng cho bà H số tiền là 45.000.000 đồng, phần hội này chị P hốt cuối kỳ nhưng bà H không giao.

- Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 30/11/2015 (âm lịch), chị P tham gia 01 phần, số tiền đã đóng hội là 51.000.000 đồng, phần hội này chị cũng hốt cuối kỳ nhưng bà H không giao.

- Dây hội 5.000.000 đồng khai ngày 28/11/2016 (âm lịch), chị P tham gia 03 phần và đã đóng cho bà H số tiền là 45.500.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 1/11/2016 (âm lịch), chị P tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 8.625.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 05/5/2016 (âm lịch), chị P tham gia 01 phần, số tiền đã đóng là 9.100.000 đồng.

Đến tháng 12/2016 thì bà H thông báo ngưng hội, tổng số tiền chị P đã đóng cho bà Nguyễn Mỹ H là 159.225.000 đồng. Chị P đã nhiều lần yêu cầu bà H phải hoàn trả cho chị số tiền trên nhưng bà H hẹn mà không trả. Ngày 03/3/2017, bà Nguyễn Mỹ H viết giấy thừa nhận còn thiếu chị P số tiền hội vốn là 159.225.000 đồng.

Chị Trần Thị P yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị số tiền 159.225.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc giao dịch hội giữa chị với bà H, chồng bà H là ông Nguyễn Ngọc C không có liên quan nên chị không yêu cầu ông C phải có trách nhiệm cùng trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ủy quyền anh Nguyễn Bảo Q nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Do quan hệ quen biết chị Trần Thị P và bà Nguyễn Mỹ H có giao kết với nhau tổng cộng 5 dây hội. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2016, bà H ngưng hội, bà H có làm giấy tay xác nhận còn nợ chị P số tiền 159.225.000 đồng. Bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho chị P số tiền trên, chị P khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền hội chị đã đóng cho bà H, yêu cầu khởi kiện của chị P là tranh chấp hội được xem xét theo

quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: anh Nguyễn Bảo Q là người đại diện ủy quyền đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Bảo Q.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của chị P tại phiên tòa, chị và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch 05 dây hui, tổng số tiền hui bà Nguyễn Mỹ H đã thu của chị là 159.225.000 đồng. Bà H đã xác nhận còn nợ chị số tiền trên nên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị.

[4] Xét yêu cầu của chị Trần Thị P về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hui còn nợ là 159.225.000 đồng, chứng cứ chị P yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ “giấy thôi vốn hui” ngày 03/3/2017 và “giấy thiếu vốn hui” ngày 22/8/2017.

Xét về hình thức, 02 tờ giấy viết tay do chị Trần Thị P cung cấp và theo lời khai của chị P thì tờ giấy này do bà H viết. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của chị P sau nhiều lần chị yêu cầu bà H trả số tiền trên cho chị nhưng bà H không thực hiện đến ngày 03/3/2017 bà H viết giấy xác nhận còn nợ chị số tiền 159.225.000 đồng. Tuy nhiên, do nội dung không thể hiện rõ là bà H còn nợ chị P số tiền trên nên ngày 22/8/2017 bà H đã viết “giấy thiếu vốn hui” xác nhận rõ nội dung “tôi xác nhận lại có thiếu vốn hui của bà Trần Thị P số tiền 159.225.000 đồng”. Từ những cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa chị Trần Thị P và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do chị Trần Thị P cung cấp nhưng bà Nguyễn Mỹ H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và 02 tờ giấy viết tay mà chị P cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của chị P.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khoản nợ hui và đồng ý thoái vốn cho chị P thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận Trần Thị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui bà Nguyễn Mỹ H còn nợ từ ngày xác nhận đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Trần Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với ông Chí theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của Trần Thị P, bà H phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên chị không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.961.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 471 và 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Thị P số tiền hui là 159.225.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 7.961.000 đồng (bảy triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.981.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng) cho chị Trần Thị P theo biên lai thu số 0010873 ngày 30/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Lan